

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2026

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ: Bà Lâm Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2026/QĐ-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thùy T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Ông Dương Chí C, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 14/4/2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy T trình bày: Bà và ông Dương Chí C kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh

Hậu Giang vào ngày 08 tháng 8 năm 2017. Quá trình sống chung hạnh phúc được mười năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vợ chồng không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Chí C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung gồm: Dương Minh T1, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2016 và cháu Dương Hoàng An S ngày 22 tháng 11 năm 2017. Hiện nay các cháu đang sống chung với Bà T. Bà để các cháu tự chọn nếu sống với ai cũng được. Nếu các cháu sống với bà thì bà yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Dương Chí C vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 Cần Thơ phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với bà Bùi Thị Thùy T vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T. Đối với ông Dương Chí C vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông C.

Về nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu A và cháu T1 cho bà T nuôi dưỡng, buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 2.070.000 đồng. Về án phí hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng bị đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Dương Chí C. Đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp ly hôn, nuôi

con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Dương Chí C có nơi cư trú tại xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

2. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bùi Thị Thùy T và ông Dương Chí C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 08 tháng 8 năm 2017 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo lời trình bày của nguyên đơn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như không quan tâm đến việc duy trì quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống, bà T và ông C có hai con chung là cháu Dương Minh T1, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2016 và cháu Dương Hoàng A, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2017. Hiện nay cả hai cháu đang do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của các cháu ổn định.

Hội đồng xét xử xét thấy các cháu đều trên 07 tuổi có nguyện vọng được sống chung với bà T nên Tòa án đã xem xét nguyện vọng của các cháu theo quy

định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, để bảo đảm sự ổn định về nơi ở, môi trường học tập, sinh hoạt và điều kiện phát triển bình thường của các cháu, tiếp tục giao cháu Dương Minh T1 và cháu Dương Hoàng A cho bà Bùi Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, việc nuôi dưỡng con chưa thành niên là nghĩa vụ của cha, mẹ theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do ông Dương Chí C không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị buộc ông C cấp dưỡng cho mỗi cháu số tiền 2.070.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng này tương ứng với mức lương tối thiểu vùng hiện hành, phù hợp với nhu cầu thiết yếu của các cháu và bảo đảm nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Đồng thời, ông C không có ý kiến phản đối hoặc cung cấp tài liệu chứng minh mình không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, buộc ông Dương Chí C cấp dưỡng nuôi cháu Dương Minh T1 và cháu Dương Hoàng A mỗi cháu số tiền 2.070.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Nguyên đơn xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và bị đơn không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Bùi Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Dương Chí C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao hai con chung cho bà T

trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và giải quyết án phí là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy T.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Bùi Thị Thùy T được ly hôn với ông Dương Chí C. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78 ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà Bùi Thị Thùy T và ông Dương Chí C không còn giá trị pháp lý.

2. Giao cháu Dương Minh T1, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2016 và cháu Dương Hoàng A, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2017 cho bà Bùi Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Dương Chí C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với: Cháu Dương Minh T1 số tiền 2.070.000 đồng/tháng; Cháu Dương Hoàng A số tiền 2.070.000 đồng/tháng. Tổng cộng ông Dương Chí C phải cấp dưỡng nuôi hai con chung là 4.140.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông Dương Chí C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu

của một hoặc các bên, Tòa án có thể hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007269 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ; bà T đã nộp đủ.

Ông Dương Chí C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Trường Long Tây, TP. Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đua